

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE

000

# ĐUỐC-TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán Sứ phố Richaud, Hanoi

## 慧 燄 報

Chủ nhiệm  
NGUYỄN-NANG-QUỐC  
Chánh hội trưởng  
hội Phật Giáo  
Quản lý  
CUNG ĐỊNH-BINH

Chánh chủ bút  
PHAN-TRUNG-TRU  
Sư cụ chùa Bàn-ở  
Phó chủ bút  
DUONG-VAN HIEN  
Sư cụ chùa Tê-Cát



GIÁ BÁO:

CẢ NĂM: 1\$00 - NỬA NĂM: 0\$50 - MỖI SỐ: 0\$03

## CHƯƠNG TRÌNH

Hành - Đạo và lễ Độ - vong ngày tết Trung - nguyên  
Rằm tháng Bảy, tại chùa Quán - sử Hội quán  
hội Phật - Giáo

### NGÀY 12 THÁNG BẢY

Sáng : 8 giờ cúng Phật, 10 giờ 30 lên khóa Ngọ.  
Chiều : 2 giờ khai Kinh, 6 giờ Khóa niệm.  
Tối : 7 giờ Khóa lễ, 8 giờ giảng Kinh.

### NGÀY 13 THÁNG BẢY

Sáng : 8 giờ cúng Phật, 10 giờ 30 lên khóa Ngọ.  
Chiều : 2 giờ khai Kinh, 6 giờ Khóa niệm.  
Tối : 7 giờ Sám nguyện, 8 giờ giảng Sự tích đức  
Thế Chí. Ban Hộ niệm lên khóa tụng 48 và đi  
nhiều Phật 1 giờ.

### NGÀY 14 THÁNG BẢY

Sáng 7 giờ cúng Phật, Tuyên só, 10 giờ 30  
lên khóa Ngọ.  
Trưa 12 giờ Thụ trai.  
Chiều 2 giờ Ban Hộ niệm, hội tụng Kinh Địa tạng,  
5 giờ Đồng nữ hòa nhạc, dâng hương, tụng 48  
nguyện, 7 giờ khóa sám nguyện, 8 giờ giảng Kinh.

### NGÀY RẪM THÁNG BẢY

Sáng 7 giờ Phóng sinh, 9 giờ cúng Phật, 10 giờ  
30 lên khóa Ngọ.  
Chiều 3 giờ Thi thực, 5 giờ Ban đồng nam tụng  
Tứ thập bát nguyện, 7 giờ tụng hội Kinh Dược sư,  
8 giờ vị cư sĩ diễn thuyết, có phát Kinh Khuyến  
thiện (Phật giáo với nhân gian) cho những người  
dự lễ.

Xin mời các giáo-hữu đến dự lễ cho đông đê cầu  
nguyện cho đa sinh phụ mẫu, lữ thể oan thân,  
đều được siêu sinh Tịnh độ.

A Di Đà Phật

# CÁI NGHĨA HOA SEN ĐỐI VỚI ĐẠO PHẬT

Có người viết thư hỏi Hội Phật-Giáo về cái nghĩa tại sao chư Phật và chư Bồ - tát thờ trong chùa lại đề ngồi hay đề đứng ở trên hoa sen, và hoa sen có quan hệ gì với đạo Phật.

Nhân có câu hỏi ấy, chúng tôi tưởng nên đem câu trả lời đăng lên báo Đuốc-Tuệ đề mọi người đều biết.

Nguyên cái hoa là phần tinh túy trong loài thảo mộc, người Ấn-Độ khi xưa cho trong các thứ hoa có hoa sen là lớn hơn và lại có sắc đẹp và hương thơm hơn cả, cho nên thường đề thờ các vị thần thánh,--Đến khi đạo Phật phát minh ra, chắc là cũng theo cái thói quen ấy, và lại lấy nghĩa rằng : Hoa sen mọc ở chỗ có nước có bùn hôi tanh mà vẫn giữ được sắc đẹp hương thơm và cái vẻ trong sạch, tựa như ở thế thể-gian phiền não ô trọc này mà có bậc thánh bậc Phật là bậc rất trong sạch tinh thuần phát hiện ra vậy.

Nhà Phật theo cái nghĩa ấy, cho nên nói rằng: « Liên hoa li chư nhiễm ô 蓮華離諸染汚 : Hoa sen liả bỏ cái thắm nhuộm dơ bẩn » bên lấy hoa sen mà ví đạo Phật, cho cái diệu pháp của Phật tinh thuần như hoa sen, cùng một lúc có cả hoa và quả sinh nở ra nhiều điều tốt-lành đẹp đẽ. Vì vậy đạo

Phật nhất nhất thường lấy hai chữ liên-hoa làm biểu-hiệu, như là có kinh gọi là Diệu-Pháp liên-hoa kinh 妙法蓮華經 có ấn quyết gọi là Liên-hoa-ấn 蓮華印, có cách ngồi xếp bằng gọi là liên hoa tọa 蓮華坐 v. v...

Phái Tịnh-thồ là một phái trong đạo Phật rất thịnh hành ở nước ta, cho là: « Di-Đà chi Tịnh-thồ di liên hoa vi sở cư, cổ chỉ Tịnh-thồ viết liên 彌陀之淨土以蓮華爲所居, 故指淨土曰蓮: Đất Tịnh-thồ của đức Di-Đà lấy hoa sen làm chỗ ở, cho nên gọi Tịnh-thồ là sen ». Các kinh trong phái Tịnh-thồ đều nói rằng: Chư Phật chư Bồ-tát ngồi trên hoa sen, và những người được Phật độ về cõi Tịnh-thồ đều do hoa sen mà hóa sinh ra ở cõi ấy.

xem vậy thì biết hoa sen là cái biểu - biểu cỗ cùng tốt của thế giới, tức cho là nó chứa hết thầy phần tịnh hoa của thế giới, cho nên sách nhà Phật có chỗ chép rằng: « Chư Phật thường di liên hoa vi tọa sàng, giả cái thủ liên-hoa tăng Thế-giới chi nghĩa. Liên hoa tăng thế-giới giả, báo thân Phật chi Tịnh-thồ-giã » 諸佛常以蓮華爲座床者, 蓋取蓮華藏世界之義, 蓮華藏世界者, 報身佛之淨土也: Chư Phật thường lấy hoa sen làm chỗ ngồi, là lấy cái nghĩa trừ cả thế-giới. Hoa sen trừ cả thế-giới là nơi hoa sen là cõi Tịnh-thồ của báo thân chư Phật ».

Gái ý nghĩa hoa sen quan-hệ với đạo Phật và cái tòa sen đề thờ Phật là thế. Tưởng cá c tin-dở của Phật-giáo nên biết đề hiệu cho rõ cái biểu-hiệu mà thường vào chùa là trông thấy luôn vậy.

TRẦN-TRỌNG-KIM

PHẬT HỌC THIÊN GIÁC  
DỊCH Ờ PHẬT HỌC TIÊU TÙNG THU (Tàu)  
BA CỐI VÒNG QUANH (三界流轉)

Ba-cối là dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới. Giới là giới hạn, nghĩa là các cõi phân cách khác nhau. Nói về dục-giới, từ 6 cõi giới gần ta xuống đến cõi ngục A-tì, có nhiều nhiệm dục, đủ cả dục dâm dật, dục ăn uống, và dục ngủ nghỉ 6 cõi dục thiên là: 1° Giới Tứ-thiên-vương: (4 phương có 1 vua: đông là Trì-quốc, nam là Tăng-trường, tây là Quảng mục, bắc là Đa-văn) 2° Giới đạo-ly (Tiếng ta gọi là giới 33 Vì đời xưa có 33 người cùng tu nghiệp, hay cùng sinh cõi ấy). 3° Giới Tu diêm-ma, (tiếng ta gọi là thời giờ tốt lành, nghĩa là giới ấy thường vui sướng luôn, lại là chứa chan 5 dục, tức sắc thanh hương vị xúc) 4° giới Phạm-xuất đả, (ta gọi là biết đủ, nghĩa là ở cảnh 5 dục, dục đủ thì thôi) 5° Giới Hóa-lạc. (Giới này tự hóa được 5 trần mà vui vẻ) 6° giới Toa-hóa, (nghĩa là sự vui vẻ không tự mình hóa mà nên mình vui, tức là vua chầu cõi dục). Nói về sắc-giới: nghĩa là đã lìa uế ác, không như dục-giới còn có sắc chất mà thân trong sạch, ai tu thiền-định về phái thế-gian, thì được báo quả ấy, cõi này đều là hóa sinh, không có những hình nam nữ, chia làm 4 thuyền, biệt ra làm 10 cõi. 3 cõi sơ thuyền: 1° Phạm-chúng, (Tiếng « phạm », ta gọi là sạch, vì không còn nhiễm dục, chúng ví như dân, làm dân sơ thuyền.) 2° Phạm-phụ (phụ là giúp, nghĩa là quan lại giúp vua sơ thuyền) 3° Giới Đại-phạm (nghĩa là vua sơ thuyền). 3 cõi Nhị-thuyền: 1° Thiệu-quang; (giới này đã có quang-minh, nhưng so với các cõi trên thì còn ít). 2° Vô-lượng-quang; (giới này quang-minh Vô-lượng) 3° Quang-âm; giới này lấy quang-minh thay lời nói) 3 cõi Tam-thuyền: Thiệu-tịnh; (giới này chỉ còn có ý thức mà vui thú thanh-tịnh.) 2° Vô-lượng-tịnh; (giới này thanh-tịnh hơn đến Vô-lượng) 3° Biến-tịnh; (giới này lại thanh tịnh hơn cả.) 9 cõi Tứ-

thuyền : 1. Vô-vân ; (mọi giờ trước còn ở dựa mây, giờ này ở trên mây, không phải dựa nữa, nên gọi là Vô-vân. 2. Phúc-sinh ; (giờ này tu nhiều tăng phúc). 3. Quảng-quả ; (giờ này tu được quả báo rộng). 4. Vô-tướng ; (giờ này bất sinh được quả báo « tâm tướng bất hành »). 5. Vô-phiền ; (giờ này lia cả khổ vui, không còn phiền-não nữa, nên gọi Vô-phiền) 6. Vô-nhiệt ; (giờ này thanh mát tự như, không còn nhiệt-não.) 7. Thiệu-kiến ; (giờ này trong lặng không còn trần cấu, soi thấy cả thế-giới 10 phương) 8. Thiệu-hiện ; (giờ này không còn chướng ngại, tính thấy hiện ngay đến nơi. 9. Sắc-cửu-kính ; (giờ này về các cõi trần nghiên cứu cùng tột.) Nói về Vô-sắc-giới : nghĩa là chỉ có tâm thức, không còn sắc-chất nữa, so với cõi sắc, quả báo ấy lại hơn. Có 4 tầng giới, gọi là 4 cõi không như sau này : 1° Nơi Không-vô-biên ; (giờ này đã biết chán sắc thân bị bó buộc không được tự tại rồi, tâm duyên hư không, ứng với tướng vô-sắc, ở Lấn vào xứ không). 2° Nơi Thức-vô-biên ; (giờ này đã chán tư không, bỏ ngay hư-không, chuyển thức làm duyên, ở vào chốn thức). 3° Nơi vô-sở-hữu ; (giờ này đã chán nơi thức, bỏ thức vào nơi không có gì nữa, hay là không dùng cả nơi không và nơi thức nữa.) 4. Nơi Phi-tướng-phi-Phi-tướng ; (giờ này ở đâu vô-sắc, không phải không tướng như vô-sở-hữu, và không phải có tướng như nơi Thức.) sáu đạo trong Tam-giới đó, gồm lại gọi là thế-gian là phạm phu cả, dựa về quả báo thiện ác, nhẹ lên nặng xuống, sinh tử, tử sinh, không khi nào nghỉ, ấy là tam-giới lưu-chuyển, tức cõi mê đó.

### PHIÊN NÃO HOẶC NGHIỆP (煩惱惑業)

Tham, sân, si, mạn, nghi, ác, kiến. 6 cái ấy là phiền-não gốc của người tở, nhân phiền-não ấy mà khởi ra mê hoặc, mê hoặc có hai. 1° Kiến hoặc : phân biệt là kiến, nghĩa là ý căn đối với pháp trần, suy đoán trái lẽ, khởi nhiều tà kiến, như những thuyết đoạn, thường, hữu, vô của ngoại đạo, ấy là kiến hoặc. 2° Tư-hoặc : nghĩa là 5

căn đối với 5 trần, ham yêu nhiệm chước, mê mãi không tỉnh, ấy là tư-hoặc. Bởi mê hoặc ấy sinh ra thân, khẩu, ý tác dụng, gọi là nghiệp, sự khởi hoặc tạo nghiệp đó, là tâm mê vậy.

## 2 BÁO TỔNG BIỆT (總別二報)

Chúng-sinh trong tam-giới, do cùng nghiệp cảm, nên cùng sinh một giới, gọi là tổng-báo, ở trong các giới lại có nghèo, giàu, sang, hèn, trí, ngu, tốt, xấu, khổ, vui, mạnh, yếu khác nhau, gọi là biệt-báo, báo nghĩa là quả, bởi nghiệp lực mình, tự nhiên cảm đến, chứ có ai làm, kẻ ngu không biết, ấy là quả mê.

## NĂNG HÓA PHẬT THÂN (能化佛身)

Phật hay tự giác, giá:-tha, lại hay mở rộng cửa pháp, mà ban giao hóa cho cả chúng-sinh, ví như thầy thuốc chữa bệnh, nên gọi là năng-hóa.

## SỞ HÓA CHÚNG SINH (所化眾生)

Sở-hóa đối với Năng-hóa, chúng-sinh, tức phạm-phu, chỉ vì mê man không tỉnh, cho nên phải cần nhờ đến các ngài liên-giác ra dạy bảo cho.

## ỨNG BỆNH CHO THUỐC (應病與藥)

Những bệnh chúng-sinh, nhiều chứng khác nhau, chữa không đối chứng, sao hay khỏi bệnh, nên Phật ngài phải tùy các thứ căn-cơ của chúng - sinh, mà đặt ra pháp dạy, cũng như thầy thuốc đối chứng lập phương.

## TỔNG PHÁI (宗派)

Đức Phật Thích-ca ngài ở đời thuyết pháp 49 năm, nhưng ngài vẫn tự nói là chưa từng nói một chữ. Vì cái châu-ly vốn không thể lấy lời nói mà mô phỏng được, vì chúng thuyết-pháp, là phương tiện thiện vào đó thôi, nên những giáo-pháp, khi ngài ở đời, đều là tùy căn cơ của chúng-sinh mà phương-tiện nói ra cả,

chờ chắt đặt ra tông phái nào, sau khi ngài diệt độ rồi, các đệ-tử kết tập kinh điển, mới phân ra tông phái, từ đời Hán (bên Tàu) mới truyền vào Tàu, dần đến đời Đường phiên dịch thành hành lập ra lắm tông nhiều phái, cộng lại có 10 tông, thì 2 tông là Câu-sá và Thành-thực là Tiểu-thừa, còn từ Luật-tông trở xuống, thì là Đại-thừa, nay thuật ra như sau này :

### TÔNG CÂU SÁ

Tông này gốc từ Luận Câu-sá của đức Thế-thân, luận ấy chuyên giảng Hữu-tông, chính tên nói đủ là A-tì-đạt-ma-câu-sá. A-tì dịch tiếng Tàu là chữ đối, đạt-ma dịch tiếng Tàu là chữ pháp, Câu-sá dịch tiếng Tàu là chữ Tạng tức luận Đối-pháp-tạng, Đối có hai nghĩa : 1° Đối hưởng về Niết-bàn, 2° Đối xem về Tứ-đế. Pháp cũng có 2 nghĩa: 1° Thắng-nghĩa-pháp, tức Niết-bàn, 2° Pháp-tướng-pháp, tức Tứ-đế. Sao gọi là đối-pháp ? nghĩa là lấy trí chính Vô-lậu, đem về lý Tứ-đế mà được vui Niết-bàn, đó là mục đích của luận ấy, ngài Chân-đế tam-tạng đời Trần (Tàu) dịch luận ấy rồi, lại làm sơ thích nữa, bản ấy mất rồi, ngài Huyền-Quang lại dịch ra 30 quyển, môn-hạ là cụ Phồ-quang làm bài ký, cụ Pháp - bảo làm bản sơ, sớ đương thịnh lắm, bấy giờ truyền tập có các nhà chuyên môn lập nên thành tông, sau kể tu hành, nghiệp cứu rất nhiều, nay thì ít người hỏi đến.

### TÔNG THÀNH THỰC

Sau khi Phật diệt 900, đức Kha-ri-bạt-ma chép luận Thành-thực, tỏ ra nguyên-lý 2 không, trái hẳn với Câu-sá, ngài Cưu-ma-la-thập đời Diêu-Tần dịch, truyền ở nước Tàu, tông này xem xét vũ-trụ vạn vật chia làm 2 môn là: Thế-giới và đệ-nhất-nghĩa, môn Thế-giới nhận chư pháp làm có, nhân ngã chẳng không, chẳng biết tất cả chư pháp đều bởi nhân duyên mà sinh, là nhân duyên thì diệt, dầu có cũng là giả, dường có mà thực không, tiến mà vào môn đệ-nhất-nghĩa, thì nói người không,



pháp không ; trong chốn 5 uẩn giả hợp, không có tí gì là nhân ngã thường thực, ấy là xem về người không ; mọi pháp trong 5 uẩn, chỉ có tên giả không có thể thực, ấy là xem về pháp không. Cái lý 2 không đến tông này mới tỏ ra rạch rỡ Ở trong tiểu-thừa thực là hơn cả Các bậc danh-đức Lục-triều truyền tập nhiều lần biệt thành một tông, đến đời Đường dần suy.

### TÔNG LUẬT

Khi Phật ở đời, lấy Phật làm thầy, sau khi ngài diệt lấy luật làm thầy, giới có đại-thặng và tiểu-thặng khác nhau ; Đại-thặng thì dùng những bộ Phạm-võng, tiểu thặng thì dùng Thập-tung và Tứ phẩm. Ngài Đạo-tuyên đời Đường giảng bèn rộng lắm, soạn thuật rất giàu, người đời gọi là Nam-sơn-tông . . . . . về sau ngài Tam-muội ở bảo-hoa, chuyên dùng pháp ấy, làm phép cho các tăng, thấy hạn cùng truyền, đời đời chẳng dứt. Vì giới mới chừng được định, tuệ ; trí giới là trái với phạm tình thuận cùng thành đạo, nếu chẳng trì-giới là trái cùng thành đạo, thuận với phạm tình, sao hay vượt khỏi ra ngoài sinh tử.

### TÔNG PHÁP TUỞNG

Tông này theo 6 kinh là Lăng-già, A-tì-đạt-ma, Hoa-nghiêm, Mật-nghiêm, Giải-thâm-mật, Bồ-tát-tạng và 10 luận là Du-già, Hiền-dương, Trung-nghiêm, biện-trung-biên, ngũ-uẩn, Tập-tập, Nhiếp đại-thặng, Bách-pháp-minh-môn, Nhị-thập duy-thức và Thành-duy-thức mà lập nên tông ; tông-chỉ thì cho là vũ trụ vạn vật đều bị cái thức nó làm biến thiên, tam-giới duy-tâm, ngoài tâm không còn có phép gì ; người ta chỉ cầu cái hiện tượng mà không biết đó là cái cảnh tượng tự tâm nó biểu ra, là cái cảnh vật không thực có, thì là hoặc lầm. Khoảng sau khi Phật đời 930 năm, đức Di-lặc vì ngài vô-chước nói luận Du-già-su-địa thì nghĩa ấy mới tỏ thêm ra, sau đức Vô-

chước làm luận Hề-n-dươ g-thánh-giáo, Đức Thế thân soạn 30 bài tụng Duy-thức, nơi nổi tuyên dương. Ngài Huyền-trang sang Trung-ấn-Đô học ngài Giới-biền, tinh thông phép tắc, về dịch truyền ra, thành tông Pháp-tướng. Các ngài : Khuy-ky, Tuệ-chiều, và Trí-châu thứ đệ nối nhau làm ra luận số, tông phong rất thịnh. Từ đời nhà Tống, ít người tới đến, luận số cũng mất dần, đến đời nhà Minh, mới lại dần thịnh, những người tu học, chước thuật khá giàu, nhưng vì không xem số luận, chưa khỏi sai suyền cũng nhiều, nay thì số luận lấy được ở trong lục-tang bên Nhậ'-bản về, Nam Bắc khác ra và phiê dịch lưu truyền người ta mới được trông thấy cái chân-diện-nue của tông ấy.

### TÔNG TAM - LUẬN

Tây-vực truyền sang vốn có 2 tông, gọi là Tịnh, Tướng. Tông Tịnh chỉ bàn tự tính không, tông Tướng chỉ bàn có là trở đối. Không có 2 vòng, về đạo trung cả, tông tướng tức tông Pháp-tướng ở trên, tông Tam-luận này là tông Tịnh đó. Tam-luận là gì ? tức Bách-luận, Trung-luận và Thập-nhị-môn-luận. Bách luận của đức Đề-bà làm ra, phá cả những thuyết về thế-gian và xuất-thế gian cho tỏ nghĩa hết bảy pháp. Trung luận phá cả nổi mê của 2 phái Đại và Tiểu thặng, cho 2 phái Đại Tiểu thông nhau. Thập nhị môn luận phá những vọng chấp của phái Đại thặng, cho tỏ cái chân nghĩa của Đại thặng. 2 luận ấy của đức Long thu làm ra, đến đời Diêu-từ, ngài Cựu-ma-la-thập dịch cả 3 luận, mở mang tông ấy, rồi đến các ngài là : Sinh, Chiệu, Dong, Duệ, dần truyền đến ngài Cát thịnh đời Đường mới làm luận số, chuyên dùng tông này để dạy học trò. Tông chỉ tam luận đời ấy thịnh nhất, từ Tống về sau, luận số mất đi, kẻ học ít người thông nghĩa, nay thì lại thấy luận số ở trong lục-tang Nhậ'-bản đưa sang, hoặc có hi vọng trung hưng được chăng ?

## TÔNG HOA NGHIÊM

Tông này lấy kinh Hoa nghiêm làm chủ, vì xưa đức Phật Bản-sư ở dưới cây bồ-đề, mới ngộ cái chân lý của pháp giới, bởi đó cứ chuy nguyên cái tự tâm chứng được ấy, nói rõ ra bả) người, tức là kinh Hoa-nghiêm, nghĩa lý cao thâm quá, kẻ nghe như điếc như ngậy, không ai rõ được. biế: mà hiểu ấy, chỉ cái: bực đại bồ-tát thôi, những nghĩa đ ch là gốc rễ, tỏ ra ở phẩm Như-lai xuất hiện rằng : « Bấy giờ Như lai lấy mắt trí trong sạch không chướng ngại, xem khắp hết: thầy chúng sinh mà nói câu rằng : lạ thay, các chúng sinh kia, làm sao có đủ trí tuệ Như-lai, mà ngu si mê hoặc không biết không hay, ta sẽ giầy cho đạo thánh, khiến cho lia hẳn vọng tưởng chấp chước, được thấy trí tuệ rộng như Như-lai ở trong thân mình, chẳng khác thân Phật, tức là khiến cho chúng sinh đời sau, tu tập đạo thánh, lia các vọng tưởng, vọng tưởng lia rồi, chúng được vô lượng trí tuệ Như-lai v v. Kinh ấy đưa vào Tàu phiên dịch có 2 bản: 1) Ngài Phật-đà-bạt-đa-la đời Đông-tấn dịch làm 60 quyển 2) Ngài Thích-Xoa-nan-đa đời Đường dịch làm 80 quyển Cú Đồ-thuận đời Đường theo kinh lập quán, làm tổ đầu tông ấy, nối sau có các cụ Vân-hoa. và Trí-nhiễm, đến các cụ Hiền thủ Thanh lương, mở rộng tông chỉ, vì đó nghĩa nhiệm Hoa nghiêm, vì như mặt trời rực rỡ.

## TÔNG THIÊN THAI

Trì giả đại sư (còn Trì khải) ở khoảng Trần Tùy, trụ núi Thiên-thai, dựng nên tông này, nhân núi đặt tên, bởi tự đời Bắc tể ngài Tuệ văn đọc luận Trì độ của đức Long thụ hiểu được lý « nhất tâm tam quán », khởi ra tông này rồi truyền cho ngài Tuệ-tư, ở Nam-nhạc, ngài Tuệ-tư truyền đến ngài Trì giả thì đạo thịnh hành, tông này cũng lấy kinh Hoa nghiêm làm chủ, lau dần đến các kinh luận khác, hững pháp môn tu trì, thì có tam chỉ và tam quán. Gì lần

tam chỉ ? 1- thể chân chỉ, nghĩa là thể tới nỗi vọng vô minh điên đảo, tức là chân như tướng thực, nên gọi là thể chân chỉ. 2- phương tiện tùy duyên chỉ, phương tiện là tùy duyên trái cảnh, yên tâm không động, nên gọi là phương tiện tùy duyên chỉ. 3- Tức nhị biên phân biệt chỉ, nghĩa là chẳng phân biệt ra tướng 2 bên là : sinh tử, niết bàn, có không v.v.. nên gọi Tức nhị biên phân biệt chỉ. Tam quán là : không quán, giả quán, và Trung quán, tông này truyền nối đời luôn, đến nay còn thịnh.

### TÔNG CHẨN NGÔN

Tông này hoặc gọi là Mật-tông, so với các tông kia khác cả vì các tông kia lấy lý làm gốc, theo lý tu hành, tông này thì trọng riêng sự tướng ở cả ngoài lý. Những Kinh phải theo là Kinh Đại nhật cho là không phải Kinh của Phật Thích-ca dạy. Kinh ấy là đức Phật Đại nhật truyền cho. Lại bảo rằng : những Kinh khác của đức Thích ca rồi đều là phương tiện, chỉ một Kinh này là nhời chân thực, nên gọi chân ngôn. Tông này từ đức Phật Đại-nhật lập nên nên gọi là đả-la ni tông, là phép bí mật của tất cả chư Phật dạy. Đức Phật Đại nhật nói kinh này rồi bực thượng thủ là Kim-cương tát đóa thu lấy nhời ngài chép làm kinh văn chứa ở trong tháp sắt thuộc Nam-thiên-chúc. Đức Long-mãnh (cụ dịch Long-thụ) ở sau khi Phật diệt 400 năm, mở tháp sắt ấy trông thấy đức Kim-cương được truyền bí quyết thì pháp môn bí mật mới truyền ra đời. Đức Long-nhãn truyền đức Long-trí, đức Long trí truyền đức Kim-cương trí, đức Kim-cương trí cùng với đệ tử là Bất không đưa vào truyền ở nước Tàu, lại có đệ tử đức Long trí là Thiện vô úy cũng vào mở thêm một giáo, nhưng pháp môn này ai không theo bực A-sà-lê Kim-cương truyền thụ thì không được lên đản hành đạo. Đến đời Minh cho là có tệ, hạ cấm bắt thôi, lâu không truyền nữa. Chỉ bên Nhật bản đến nay còn lưu truyền mãi. Giáo Lạt-ma ở Mông cổ và Tây tạng cũng là một chi lưu của tông ấy.

## TỔNG TỊNH ĐỘ

Tổng này chuyên dạy phát-nguyên vãng-sinh Tịnh-độ (cực-lạc) nên gọi là tổng Tịnh-độ, lấy lý niệm Phật dạng tâm; không khác gì các tổng khác, chỉ lẽ niệm Phật cầu sinh Tịnh-độ là khác thôi. Không cứ gì trí ngu, ai tu trì cũng được, về sau thành công cũng-thế. Kinh Hoa-nghiêm chép đức Phổ-Hiền lấy 10 đại-nguyên dẫn về cực-lạc, nên môn Tịnh-độ lấy đức Phổ-Hiền làm sơ-đô, người Tàu thì ngài Viễn công đời Tấn lập Liên xã ở Lu-sơn, là mới mở ra môn niệm Phật, sau có 3 vị là : Đàm-loan, Đạo-sư-ôc và Thiện-đạo thứ đệ nối liền, mà đời Tống thì ngài Vĩnh minh-Thọ, đời Minh thì ngài Liên-tri là nổi tiếng nhất, tổng này lấy kinh Vô-lượng-Thọ, kinh Quán-vô lượng thọ, kinh A-di-đà và Luận-vãng-sinh làm chủ, gọi là 3 kinh 1 luận, mà giáo pháp thì ngoài lý luận lại càng trọng thực hành, cho là tín, nguyện và hành, thiếu một không được.

## TỔNG THUYỀN

Đức Đạt-ma (người Ấn-độ) vào Tàu không lập văn tự, « thẳng chỉ nhàu tâm thấy tính thành Phật » đời đời truyền mãi xưng là thuyền-tổng, xét đến chốn thực, tức Bát nhã ba la mật, từ đức Đạt ma truyền đến đời thứ 6 là đức Tuệ-năng, đạo ấy thịnh hành, sau có 5 phái, là Lâm-lễ, quy ugiơng, Tào động, vân môn và pháp nhơn, cái pháp tu trì là : « nắm chắc lấy một câu đầu chuyết, mà suy xét lý chân lý » để mong thấu ngộ, gọi là diệt hết tình thức chứng xuất tâm nguyên. Gần đây các đại tông lâm vân còn thịnh hành môn ấy.

Hoàng mai NGUYỄN THƯỢNG CĂN dịch.



# CỒ TÍCH CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM Ở HUẾ

## CHÙA THIÊN - MỒ

(Bài diễn thuyết tại Hội quán hội Trí-tri Hanoi 59 phố  
Hàng Quạt ngày 11 Juin 1926 của ông Trần-văn Giáp)

Sau khi dẹp song Tây - Sơn, đức Cao-hoàng thống nhất khu vỹ, dựng thành nước Nam-Việt, định dinh ở thành kinh Huế, kể từ trong Nam ra ngoài Bắc, Huế là trung tâm diêm, nên thường gọi là thượng đô nước Nam; sơn ki thủy tú, biển khơi xanh biếc cũng gần, non cao ngút ngàn không xa, chính là nơi thiên hiểm của cõi nhân; khiến người khảo sát, khách du quan, ai cũng phải say vì cảnh mà mến vì tình. Vậy sự tích đất Huế thế nào? Tiếng Huế ở đâu mà ra? Có phải là tiếng ta hay tiếng ngoại quốc?

Tiếng Huế là chuyển âm chữ 化 mà ra, vì đất ấy trước là Thuận hoá châu. Trong các sách lấy về thập thất thế kỷ, chỗ thì gọi là Sinoa, chỗ thì gọi là Sin - goa, đều là chuyển âm ở tiếng Thuận hoá 順化 mà ra. Nguyên đất Huế về đời Thượng-cổ, thuộc đất Việt-thường 越裳 nhà Tần sau khi kiêm tính cả chung quốc, vào đời đệ nhị thế kỷ trước tây lịch tràn sang phía nam, lấy cả Bắc kỳ cùng đất này, đặt đất này là Tượng-quận, đến đời Hán đời là Nhật nam, có năm thành; mà thành Tây quyền 西捲 là Huế bây giờ. Cuối đời Hán, người Tây-quyền 西捲 tên là Khu-liên giữ đất Tượng-lâm dựng thành một nước gọi là 林邑, trải qua đời Tùy đời Đường, lúc mất lúc còn, mãi đến khoảng năm Trí-đức, giữa đệ bát thế kỷ mới đổi tên là Chiêm-thành, tức là nước Chăm, địa giới về phía Bắc ra mãi tới giáp vùng Nghệ-lĩnh bây giờ. Đời Trần Anh-lôn, vua Chiêm tên là Cồ - mãn, đẹp duyên cùng Huyền-chân công-chúa, 玄珍公主 lấy châu Ó - châu-Lý làm sính nghi, vua nhà Trần nhân đó đổi tên là Châu-thuận và châu Hóa tức là Thừa-thiên bây giờ.

Tiếng Huế bắt đầu có từ đời Trần Anh-tôn, thế kỉ thứ 14. Huế tuy là đất cũ của người Chăm nhưng tiếng Huế không phải gốc ở tiếng Chăm, tên cũ của đất Huế quên dần đi nên lịch sử cũ cũng theo đó mà tiêu diệt. Nước Chăm tuy bây giờ không còn, nhưng trái mấy thế-kỉ trước là một nước có lịch-sử vẻ vang, có văn-hóa, có mỹ-thật, vậy đáng lẽ ta nên khảo sát di tích người Chăm về trước đời đất Huế sát nhập nước Nam, nghĩa là trước năm Hưng-long thứ 14 là năm 1306, là năm cưới Huyền-chân công-chúa.

Cổ tích của người Chăm ngay ở Thừa-Thiên cũng không phải là hiếm : nào cổ-thành Phật-thệ ở làng Nguyệt-biêu huyện Hương-thủy 香水, nào di chỉ thành Khu-túc ở Phú-xuân, ở Lương-văn 良文, v. v. Những di tích ấy, không phải là không cần khảo sát và cũng không phải là không có ích cho sự học, nhưng ý chúng tôi muốn nói qua loa về các công nghiệp của người Việt-Nam ở ngoài sử Bắc-kỳ, kéo sợ ai cũng cho là truyện hầy còn gần mà sao nhãng chẳng.

Từ đầu thập-tứ thế kỷ về sau, đất Ô, đất Lý tuy đã đổi danh hiệu, đã thuộc quyền người Nam cai-trị, nhưng thổ dân vẫn một lòng mến theo cựu-chủ, không phục quan Nam, các Vua ta nhiều phen vất vả : sai quan chiêu-dụ, đem lính đó ỉng đồn, lại cho thổ dân làm quan cai-trị miễn thuế điền thổ từng mấy năm một; mỗi lần người Chăm nổi loạn thì vua ta lại phải đem quân dẹp yên. Có khi nhân việc Hóa-châu mà quân Chăm lan cướp ra mãi Thanh, Nghệ rồi thừa thế tràn tới Hà-nội. Đời nhà Hồ, sai sửa đường xuôi từ Tây-dó (tức Nghệ-an bây giờ) vào tới Huế gọi là đường Thiên-ly, hai bên đường đặt phố xá dịch trạm để phòng lúc có việc quân, sau lại thi-hành chính sách di-dân, mộ những người giàu có, nộp trâu nộp tiền để quyền phẩm-hàm, lấy trâu và tiền ấy cấp cho người nghèo đến ở đit mới khai thác để khản lịch đất cát, dung

hóa cùng người Chăm. Đến đời vua Lê-thái-Tổ, sau khi đánh đuổi giặc Miêu, theo lối nhà Trần đem những quân Tàu bắt được cho ở các miền Tân-bình, Thuận-hóa; cử các bậc đại tài như ông Lê-Khôi, Lê-Trích vân vân, vừa ân, vừa uy, khi chiêu dụ, lúc trừng phạt, tổn bao tâm huyết, bao nghị lực mới khai thác được đất ấy, Xem thế đủ biết người Chăm cũng không phải là giống người ủy mỹ phụng tòng, tham danh mến lợi, được vinh thân phì gia thì quên cả đồng bào công phần, không một hồi nào là ta không thấy họ hết sức phấn đấu, hết lòng phục thù, chỉ vì quá tin sức mình, ở nhà nhất mẹ nhì con, bay tự mẫn tự túc, mỗi khi đắc thắng thì vênh vào kiêu căng, không nghĩ sáu xa, lại thành thất bại, nên không thể ngăn nổi sức Nam tiến của người Bắc ta, khi xưa. Từ đời Lê Thánh-tôn, vào hồi thế kỷ thứ 15, sau khi đặt ra Thuận-hóa thừa tuyên thì cách cai-trị mới có qui củ, dần dần mãi đến thế-kỷ thứ 16, sau khi Lê Trung-hưng, đức Nguyễn-Hoàng vào làm trấn thủ Thuận-hóa, khi vào có đem theo biết bao nhiêu bà con họ Hàng cùng quân lính thủ hạ, trong hơn 40 năm, hết sức kinh doanh, rồi sau con cháu nối nghiệp, thành ra các chúa Nguyễn là những tướng tiên phong cho cơ nghiệp thống nhất của đức Gia-Long. Thế cho nên gọi là cội tích của người Việt-nam ở Huế phần nhiều chỉ là công nghiệp các chúa Nguyễn mà những cội tích ấy còn lại không phải là ít: mới nghĩ tới, tự chúng tôi cũng lấy làm khó trọn lấy một nơi nào, nào lừng lẫm, nào cung điện, nào thành trì, điều là công trình vĩ đại của các chúa Nguyễn cùng liệt thánh bản triều, những nơi to tát đó, ai chưa từng bước chân tới Huế cũng đã thừa biết mà cũng đã được nhìn qua hoặc trên các tấm ảnh, hoặc trên các màn chiếu bóng.

Còn đến chùa ở chung quanh Huế, không kể các chùa tư và chùa nhỏ, những chùa gọi là quan-tự nghĩa



là chùa thuộc về công nhà nước cũng đã có từ hơn 70 chùa, mà trong hơn 70 chùa ấy tuy nhiều chùa mới hoặc tự đời Minh-Mạng, Tự-Đức, cũng có chùa tự đời các chúa Nguyễn cũng nhiều : chùa Giác-Hoàng tương truyền là do thành của tiên triều, chùa Diệu-đế là cố trạch của Phước-quốc-Công, chùa Quốc-ân, Thủy-tôn cùng Thiên-thai làm từ đời đức Hiền-tôn Nguyễn-phước-Chủ 阮福淵 ; chùa Quang-đức, chùa Khánh-vân cùng chùa Báo-quốc đều là chùa của đức Thế-tôn Nguyễn-Phước-lan 阮福瀾 làm vào đầu thế-kỷ thứ 18, v. v.... Vậy chỉ có chùa Thiên-mỗ là cổ và có quan hệ đến lịch sử về đời đức Thái-tổ Nguyễn-Hoàng, cho nên đức Thiệu-Trị đã cho là một thắng-cảnh chốn thần kinh, trong tập thơ thánh chế lấy đầu đề 天姥鐘聲 « Thiên-Mỗ Trung-Thanh, Nhân bài thơ đề thắng cảnh đó mà có câu phong-giao : Gió đưa cảnh trúc la đà, Tiếng chuông Thiên mỗ canh gà Thọ - xương cổ-đạo L. cadrière trong tạp - chí viện Bác - cổ cũng phải cho : « Chùa mỗ thật là có quan-hệ về lịch - sử, nghĩa là một công - trình thứ nhất của các chúa Nguyễn ở gần Thần-kinh sau này. Thiên-mỗ là một bảo vật của kinh-đô Huế. Ấy mãi tới năm 1635 đức Công-thượng-vương mới ở Quảng-trị dời sang Kim - lương và đến năm 1687 đức Ngãi-vương mới định đô ở Phú-xuân là kinh thành Huế hiện thời. »

Chùa Thiên-mỗ tiếng Huế đọc là Thiên-mộ rồi chuyển âm ra Thiên mụ là tiếng thông thường bây giờ, ở vào địa-phận làng An-ninh thượng, huyện Hương-trà, trên một cái gò cao, ở bờ sông Hương, đối ngạn với đê Văn-thánh thờ đức Khổng-tử, nên các quan-tây thường gọi nhầm cái tháp chùa ấy là « Tour de confucius ». Phía nam chùa thì có sông Hương với các đồi thông Long-thụ cùng cánh đồng Nguyệt-biêu, phía tây cũng lại dòng sông, nước lững trong bể có thể soi gương được. Theo như các cổ lão nói : khúc sông này nước có mùi thơm, nên về

trước vẫn phải tiến vào dung ở trong nội-cung. Chùa làm từ hồi thế kỷ thứ 14, trước khi đức Ngũ-yên-hoàng vào trấn thủ Thuận-hóa, cho nên trong sách Ô-châu-cận-lục của Dương-chấp-nhất 楊執一 làm vào đời nhà Mạc đã có nói : « Chùa Thiên-mỗ ở về phía nam xã Hà-khê, huyện Hương-trà, chùa làm trên đỉnh núi, sông chảy quanh dưới chân, khác hẳn thế-giới trần tục, gần nơi thiên-trì thanh cao, khách đã thung thăng bước tới, nào ai không tự nhiên phát lòng từ thiện, quên nỗi lo phiền mà không biết. Thật là một cảnh phương trượng. » Tuy vậy lúc ấy chắc là am gianh lều cỏ. Tục truyền có một thầy địa lý đào xới núi, để yếm bùa, có một bà tiên hiện lên báo cho người làng nên làm chùa ở chỗ ấy, cho nên gọi là Thiên-mỗ, nghĩa là bà tiên trên giới. Mãi đến năm 1401, năm Hoảng-định thứ 2 thì chùa Thiên-mỗ mới thành một phạm vũ nguy-nghê. Vào khoảng năm 1440 là năm thứ 44 đời đức Tiên-vương Nguyễn-Hoàng làm Trấn-thủ Thuận-hóa, nhân khi du ngoạn sơn thủy, xa giá tới làng Hà-khê, ngài thấy giữa quãng đồng bằng, có nhiều gò đồng chông chập tủa hình rồng châu, cuốn nước Tràng-giang mà đầm miah nơi Bình-hồ, ngài lấy làm lạ, liền hỏi truyền thổ dân lên cái gò ấy, thời họ kêu rằng : « Theo tục truyền khi xưa có người đi đêm, giăng sáng lờ lọi, gió thổi hiu hiu, gặp một bà cụ già ngồi trên đỉnh núi này, đầu bạc phơ phơ, mình mặc áo đỏ, bảo người ấy rằng : « Thế nào rồi cũng có một bậc chân chủ qua đây, dựng lại ngôi chùa này để cố iong mạch » nói xong rồi biến mất, cho nên núi này gọi là núi Thiên-mỗ. » Đức Tiên-vương nghe xong cho là diễm hay, liền sai dựng lại ngôi chùa gọi là chùa Thiên-mỗ. »

Tên núi Thiên - mộ không những thấy ở Huế mà thôi, trong các sử sách Tàu về đời Đường đời Tống đã thấy có chép : « Núi Thiên-mỗ ở về tỉnh Triết-giang cách huyện Diễm 80 dặm...trên núi cây cối um sùm, tương truyền ai lên đỉnh núi ấy thì được nghe thấy tiếng chuông

các tiên trên gò núi hát, nên nhà thi hào Tạ-linh-Vận  
khí lên chơi núi ấy đã có đề thơ; về sau Lý Thái - Bạch  
cũng có làm bài ngâm nằm mơ đi chơi núi Thiên-mỗ để  
lưu biệt anh em. Lý Thái-Bạch tuy chưa bước chân lên  
đỉnh núi Thiên-mỗ mà cũng chưa được vẳng nghe tiếng  
hát cõi tiên, nhưng lấy bút nhà thi-hào tả đặc mộng  
đăng cao cũng thật thần tình, xin dịch qua đề cùng hưởng  
cái thú thanh cao của cổ nhân.

Bài thơ này của Lý Thái-Bạch một nhà đại thi hào đời  
Thịnh Đường bên Tàu (thế kỷ thứ 7) là một bài tràng  
thiên làm lối ngâm nên từ điệu ngũ ngôn không như lối  
luật, vậy chúng tôi xin phép chỉ dịch ra năm âm,  
mà bài dịch này chúng tôi có nhờ một ông bạn đồng-sự  
ở Bắc-cổ là ông Nguyễn-năng-Lự nhuận sắc cho, mới  
dịch thành vận văn được, vậy xin phép có nhờ cảm ơn  
ông Lự.

*Doanh châu, hải khách từn j bìn ,*

*Yên đảo man mác băng ngân tìm dâu ?*

*Thiên-mỗ người Việt có câu :*

*Giăng mây mờ tỏ thấy âu có ngày.*

*Ngang trời Thiên-mỗ là đây,*

*Xích thành, ngũ nhạc che đầy cả hai.*

*Nghìn tầm bốn vạn Thiên thai,*

*Đông, nam nghiêng ghé giám hoài ánh đời.*

*Ta nhân Ngô Việt mơ chơi.*

*Một đêm qua tới giếng khơi kinh-hồ,*

*Bóng mình giăng tỏ soi ra,*

*Đưa ta đi đến tới vừa Diêm-khê.*

*Chốn năm họ Tạ còn kia,*

*Nước trong leo lẻo vượn về vėjo von.*

*Chân ta guốc Tạ bon bon.*

*Mình ta len lối lên cồn máy xanh.*

Mặt giới ngoài biển nhìn quanh,  
Gà giới eo óc dừa vành trên không.  
Nghìn non đường khúc chấp chững.  
Mé hoa dừa đá bóng trông tối sầm.  
Suối non rờn, gấu kêu gặm,  
E rình sâu thẳm, kinh tâm núi cao.  
Mây xanh tuôn, muốn mưa dào,  
Nước lờ dờ chảy ào ào khói sinh.  
Sấm vang, chớp nhạong hoảng kinh :  
Hay đầu gò núi thỉnh linh đồ lay.  
Động giới đá khép chốn này,  
Ầm ầm tiếng động cửa dầy mở ra.  
Mông mênh thẳm thẳm bao la :  
Đài Kim-ngân chói một lòa giếng trong,  
Áo nghề ngựa gió rudi rong,  
Bời bời kéo xuống một vòng mây xa.  
Xe loan, đàn hồ lân la,  
Người tiên đóng đúc bày ra từng hàng.  
Hồn kinh phách động bánj hoàng,  
Dật minh thức dậy thổ thần mấy nhời :  
Tỉnh ra gối chiếu còn nơi !  
Yên-hà vui thú vừa rồi còn chi !  
Thế gian vui được mấy khi,  
Việc đời tựa nước trôi đi khác nào.  
Tiền ai giữ lại để nao ?  
Hay đem hươu trắng thả vào non xanh.  
Khi đi ta cưỡi lên mình,  
Thăm chơi chỗ núi cỏ danh đương thì.  
Lặng không dầu củi làm gì,  
Đề ta chẳng được hoan huy vui tươi !

Núi Thiên-mỗ ở ta cùng núi Thiên-mỗ ở Tàu, sự lịch sự không thật hết nhau, nhưng cũng ở một khuôn mà ra, mà tên Thiên-mỗ ở Tàu có trước ta tới năm sáu trăm năm. Vậy tên Thiên-mỗ ở ta là do thuật ở lịch sử nước Tàu Xin nói nốt về chùa Thiên-mỗ ở ta. Năm ất-ly đời đức Hiên-vương (.665) hồi tháng bảy có chữa lại chùa, nhưng mãi đến đời đức Minh-vương vào khoảng 1691 đến 1725 thì mới sửa chữa cùng làm thêm nhà cửa thật chỉnh đốn, vì ngài là một vị chúa súng đao từ bi hơn cả. Năm 1720 đức Minh-vương phát tâm đúc một quả chuông to, nặng 3285 cân. chuông ấy hiện bây giờ hải còn, có bài kí của đức Minh-vương làm, đề niên hiệu Vĩnh-thịnh canh dần tháng tư là tháng đức Thích-ca đản sinh. Năm 1714 ngài sai quan chương-cơ là Tống đức-đại trông nom việc sửa chữa chùa, từ ngoài cửa chùa chở vào làm thêm nhiều cung điện 天王殿 玉皇殿 大雄寶殿 說法堂 藏經樓 鐘鼓樓 十王殿 水雲堂 知味堂 禪堂 大悲殿 藥盞殿 房毘耶 閻方丈 僧禪舍 tất cả đến vài chục nơi, nơi nào cũng trang hoàng thật tráng lệ. Công việc làm ròng rã một năm mới xong, khi xong ngài tự làm bài kí khắc vào bả đá, xây trên con rùa. Bả ấy hiện còn và đề niên biệן Vĩnh-thịnh ất-vị (1715). Ngoài ra ngài lại còn cho sửa một tòa điếu đài ở cửa chùa đề làm nơi du ngoạn. Cho người sang Tàu mua kính Tam-tạng gồm có hơn nghìn bộ vừa kinh, vừa luật, vừa luận.

Dựng chùa Thiên-mỗ thành một sơn-môn. Hồi đó có một vị Hòa-thượng người Tàu là đức Thạch-liêm người ở Triết-giang sang tu ở đó, chuyên về thuyền học, và có đi lại cùng đức Minh-vương, giảng thuyết đạo lý, nên ngài mới giốc lòng tin-ngưỡng Phật pháp mà làm nên ngôi chùa to ấy. Vào hồi tháng 7 năm 1715 ngài vào ở vườn Ti-gia trong chùa một tháng và cho phát tiền gạo cho thổ dân. Đức hóa của ngài làm cảm phục được cả vua quan nước Châm cũ, lúc bấy giờ chỉ còn lại trấn Touận-thành. Họ đều lại dự hội và được phong hầu trước.

# TRUYỆN CŨ NƯỚC PHẬT

( RÌ GHỀ CON CHỒNG )

Thái-tử Câu na la (Kunála) là con vua A dục (Asoka) diện mạo sinh đẹp tuyệt trần. Từ nhỏ hay nghe các samôn thuyết pháp, mà dốc lòng tin theo đạo Phật. Một hôm phụng mệnh vua cha ra miền Đát-sa-tất-la, (Takshasla) cai trị muốn dân, được dân yêu mến lắm, chợt có chiến chũ đến, truyền khoét hơi mắt của Thái-tử. Than ôi! cái chiểu chỉ khổ-hại ấy do tự bà Thử-phi Lịch-sa-nặc-sĩ-đa (Rishya-Rakshita) là một ngói Thử-cung vua A-dục. Nguyên bà trước có ý muốn tư-dâm với Thái-tử, nhưng Thái-tử chẳng chịu nghe theo. Bởi vậy mà bà Thử-cung đem lòng thù oán, bà trộm lấy ấn vua, xuống mạo chỉ đề hại Thái-tử. Dân miền ấy được chỉ, nhưng không ai nhận tâm thì hành cái lệnh ác hại kia!

Thái-tử đã nhận được ấn vua thì đánh lòng chịu tội. Mãi mãi về sau có một lên hủi đến xin nhận hành tội Thái-tử, như sắc chỉ đã định. Khi lên hủi hạ thủ thì Thái-tử nhớ đến những nhời các Đạo-sư diễn giảng khi xưa, rồi nghĩ trong bụng rằng: Các thầy dạy ta khi trước đã dự biết việc khốn khổ này, nên đã bảo ta: mi thử trông nhất thiết Thế gian đều phải hủy hoại, ở cõi đời này, có gì là hữu thường. Các thầy thuyết pháp như thế, thật là những bực bụng dạ to tát thay, ta nghĩ đến sự đời bất thường, ta lại nhớ đến lời các thầy dạy Ôi! tội này ta có sợ chi?

Vì ta biết rằng, mắt ta cũng là một vật hủy hoại; muốn đề, hay muốn khoét đi, xin vâng lệnh vua cha cho cam lòng hiểu, nhưng ta cũng đã từng dùng 2 con mắt này mà trông biết hết thấy mọi vật trong cõi Niêm-phù đề đều bị cảnh hủy hoại cả, như vậy mắt ta còn hay mắt nữa có hề cai. Thái-tử nghĩ thế rồi quay lại bảo lên hủi rằng... « Hãy khoét một mắt trước để len

lay la xem » lên, ừ việc làm ? nhân dân đứn, dưới trông, ai nấy đều thẹn khốe. Thái-tử cầm con mắt đơ lên mà nói rằng : « ói, cái quả thối ó uế này ! sao nầy mi trông thấy mọi cảnh đời, mà giờ thì mi không trông thấy gì nữa ? người đời còn khờ quá, có kẻ qui trọng mi mà kêu rằng « mắt này là của tôi đây ! » khoét nốt mắt nữa. Bấy giờ Thái-tử mất cả mắt thối, mà mắt tri được t-êm sáng suốt, bèn đọc bài kệ rằng . . . . .

Mắt thối ta vừa mất . . . . . Mắt tri ta sáng suốt.

Phụ-vương ruồng bỏ ta . . . . . Ta làm con Pháp vương,

Ta mất ngôi qui trọng . . . . . Là chốn nhiều phiền-não.

Ta lại được phép rầu . . . . . Hết mọi nỗi sầu khổ.

Thái-tử đã can đảm n-ấn n ực như vậy, mà lại có độ lượng k-ác thương. Sầu biết rằng.. chính bà ri-ghe làm hại, song lòng từ mẫu không oán hận đều gì, lại nói « Ta ước ao cho Ri-ghe ta sống lâu sung sướng mà biết đạo tu tâm. » Tự khi Thái-tử mù lòa, đi chốn n-ợ sang nơi kia tha t-ần kiếm ăn, chỉ có bà vợ giắt đi hát rong c o khuấy lòng ai oán.

Một hôm chợ đến trước cung vua cha, thì vua cha mới biết nỗi oan khuất của con, mới hạ lệnh điện bà vợ lẽ quý hôn ấy ra pháp tràng trăm quyết. Nhưng Thái-tử cứ lăn xả vào khốe mếu can vua nói rằng : con phải như thế chắc là con có nghiệp chướng gì đấy, không phải tội tại ri con.

Như e uyện này thì cõi lòng sân khùe của người ta tự nhiên tiêu tán hết vậy.

Bát-huyền-tử, TRIỆN-BẢO



# Thu' Cô Mai

(Phật-hoa liêu thuyết, thờ viết thư)

IV

CHỊ BĂNG-TÂM - SAIGON

Thưa Chị,

Đáng lẽ thư này em nói đến mấy việc mà thư số III trước em đã hẹn cùng Chị, như câu chuyện Phương đối với cái học văn thơ của nữ-lưu ta, câu chuyện tình thực mà di-dum buồn cười. Lại như những việc em đang vận-động mở lớp học gia-giảng và ban giảng kinh cho trẻ con dân bù trong xóm em, cái xóm bình dân khuất ánh sáng của sự học-vấn này. Nhưng vì tiếp thư số II của Chị có nhiều chỗ em cần phải giải-đáp ngay. Vậy mấy việc trên kia xin để thư sau, thư này em hãy trả lời về thư số II của Chị.

1. Đoạn đầu, Chị nói : « Tôi cũng muốn cùng Chị luận-bàn để tìm thấy cái cội gốc đạo làm người, nhưng sợ tư-tưởng không hợp sẽ sinh ra mất lòng. Là vì tư-tưởng của Chị đã lên lên cội lòng-giáo cao-siêu mà tư-tưởng của em vẫn còn loanh-quanh trong cõi nhân-sinh thực-lẽ. »

Chị Băng-tâm ơi, thưa Chị, trong cuộc luận-bàn tư-tưởng quý được tự-do. Tư-tưởng ai thế nào thì cứ giữ như thế mà cùng nhau bàn luận thì chân-lý mới phát-hiện ra được, sao Chị lại sợ mất lòng. Sợ mất lòng không nói để chân-lý không phát-hiện ra được, thế là vì tư không phải vì đạo, thấy trái ý mình mà giận, thế không phải là yêu đạo mà chính là yêu mình. Vì tư không nói đã là không biết học, mà yêu mình không chịu lời nói cũng không phải là biết học. Sao chị lại đem cái ý nghĩ hẹp hòi ấy đặt vào giữa Chị em ta.



Còn như Chị nói : Tư-tưởng của em nay đã tiến lên cõi tông-giáo cao-siêu mà tư-tưởng của Chị vẫn còn loanh quanh trong cõi nhân-sinh thực-lẽ. Lời tuy như khiếm-tốn mà ý thực bi-li sâu xa, là ý Chị cho rằng tư-tưởng của Chị nay vẫn giữ được cái thái-dộ vụ-thực mà tư-tưởng của em nay đã biến thành ra cái thái-dộ hư-huyễn. Chỗ Chị em với nhau, sao Chị lại nói cách khách-khi ấy. Thân-tình là một vấn-đề, chân-lý là một vấn-đề. có lẽ nào vì tình thân mà dễ cho chân-lý vùi lấp. Em sở dĩ viết tập thư này cho Chị trước, là để cho Chị biết cho cái tâm lý của em đã vì hoàn-cảnh mà đổi thay, đổi thay với một cái đạo-lý đã giải quyết cho em nhận thấy chỗ cứu cánh của đời người. Sao là để cùng Chị luận-bàn, chỗ nào hợp lẽ hoặc có chút cống-hiến cho Chị được chăng. Còn chỗ nào trái lẽ, mong chị vì em mà lĩnh-thức. Vâng xin Chị cứ yêu chân-lý chính là yêu em của Chị.

Chị đem câu tông giáo cao-siêu đối với câu nhân-sinh thực-lẽ mà nói, thế là ý Chị cho rằng phạm tông-giáo đều là cái ý-tưởng lóng-bóng hư-huyễn không thiết-thực gì với sự sinh-hoạt của đời người. thì đạo Phật cũng không ra ngoài cái khuyên sáo ấy. Nhưng Chị nghĩ thế là lầm. Ý nghĩ ấy không phải ngày nay mới có một Chị, mà người đời, chính ngay những người tu học trong đạo Phật cũng nhiều người vẫn nghĩ như thế đã lâu rồi. Em dám quyết đều lầm cả,

Trong một bài bốn câu kệ của vị Lục-tổ là tổ thứ sáu chính-lòng đạo Phật bên Tàu có nói rằng :

Phật pháp tại thế gian,

Bất li thế gian giác,

Li thế mịch bồ - đề,

Cáp như cầu thổ giác.

Nghĩa là : Chỗ cảm - giác của đạo Phật, chính là chỗ cảm-giác của thế-gian. Nếu bỏ thế gian mà đi tìm đạo Phật, thì cũng y như người đi tìm sừng của con hổ vậy.

Thở vốn không có sóng, còn tìm dấu cho thấy. Đạo Phật vốn bởi thế gian mà có, nếu bỏ thế-gian thì còn làm gì có đạo Phật. Cho nên phải biết đạo Phật chính vì thế-gian mà đặt ra, đặt ra để mà cứu độ cho thế-gian, cứu độ cho cả tâm hồn và thể xác của cõi phàm-sinh thực tế này đó, chứ không phải đạo Phật đặt ra chỉ chuyên chú một việc đưa linh hồn người ta sớm thoát ly cõi đời hiện tại mà về cõi không hư mơ màng trong trí tưởng kia đâu.

Cổ nhiên là nhà tông giáo thì đều cốt hẹn trước cho người ta một cuộc đời vô cùng sung sướng vui vẻ ở thân sau, tức là nước Cực-lạc. Nhưng nước Cực-lạc của đạo Phật không phải hễ ai biết ăn vào dưới bóng Phật và cứ lạy Phật cho khoẻ là được về nơi đó đâu. Nước Cực-lạc của đạo Phật buộc người ta ai có đủ món tư lương vô hình để ăn đường mới đi, về đến nơi được. Tư lương vô hình để đi ăn đường ấy tức là những việc công đức của kẻ ấy đã tự làm nên ở hiện thế này. Những việc công đức ấy tức là những việc luân lý đạo đức ở đời này. Kẻ tu đạo bắt luân tại-gia hay xuất-gia, phạm đã tự nhận là đệ-tử của Phật, trong phải tu luyện lấy nhân cách cho đủ mọi nét hay lành tốt, ấy là phép vạn hạnh. Ngoài phải làm sao cho trọn bổn phận mình, như cha mẹ ở với con, con ở với cha mẹ, sao cho phải đạo. Vợ ở với chồng, chồng ở với vợ, sao cho phải đạo. Thầy ở với trò, trò ở với thầy, sao cho phải đạo. Chủ ở với tôi-tớ, tôi-tớ ở với chủ, sao cho phải đạo. Họ hàng chúng bạn ở với nhau thế nào cho phải đạo. Viên-triết ở với đồ-đệ, đồ-đệ ở với hiền-triết, sao cho phải đạo. Vì thế mà có Kinh Sáu-phương.

Lại đối với cha mẹ, đối với đất nước, đối với quốc-gia, đối với xã-hội chúng sinh và đối với Thánh hiền đạo hạnh, đều phải làm thế nào cho tròn nghĩa-vụ làm người. Vì thế mà có thuyết Tứ-ân.

Ngoài ra, bậc trên có đạo đại nguyện, bậc dưới có phép bổ thí. Đại nguyện là đối với cả chúng sinh trong

thế gian đều mong cho họ được thỏa thuê sung sướng về phần xác cũng như về phần hồn, ấy tức đạo Khổng gọi là thái-hòa là bình trị đó. Bỏ thì là đối với từng người hoặc từng đoàn-thể nhỏ, hoặc lấy trí thức mà dạy bảo, ấy là pháp-thí, hoặc lấy tiền tài mà cứu giúp ấy là tài-thí, và hoặc lấy can đảm mà cứu chữa bệnh vực, ấy là vô úy thí, ba điều này tức đạo Khổng gọi là việc nghĩa, đạo Mặc gọi là hiệp đó.

Cho được nhận chân lấy những việc bổn phận ấy mà làm, đạo Phật lấy chủ nghĩa bình đẳng làm gốc giáo lý. Nghĩa là đạo Phật cho Phật với người ta, người ta với loài vật đều chung nhau một cái Phật-linh như nhau, đều có thể thành Phật một cách bình-đẳng như nhau được. Vậy thì kẻ tu đạo phải đối với quần sinh loài vật, cũng như loài người đối với loài người, chỗ xa cũng như chỗ gần, hết thầy là bình-đẳng cả không còn phân biệt đâu là thân đâu là sơ, cái gì là của ta, cái gì là của kẻ khác nữa.

Chỉ thử xem một cái đạo đức luân lý mà quan niệm đến như thế có thực là bao-quát không còn sót nghĩa gì không ?

Đạo Phật không những chỉ quan-niệm bằng cách nói suông như thế, mà đạo Phật lại bắt buộc kẻ tu đạo phải thực hành những nghĩa vụ ấy ra cho đời hiện-thể để làm công đức. Công đức lớn thì chóng được sang Cực-lạc hay là thành Phật ngay ở đời hiện-thể này, công đức nhỏ thì chậm được sang. Công đức lớn thì sang Cực-lạc ở vào ngôi cao, công đức nhỏ thì ở vào ngôi thấp. Nhưng bậc nhiệt tâm cứu thế thì sang Cực lạc chừng quả công đức rồi lại thác sinh về cõi thế gian tế-độ cho đời. Bao giờ thế gian hết chúng sinh, đại nguyện kia mới hết.

Cho được đủ tài năng trí tuệ để thực hành những nghĩa vụ trên ấy, đạo Phật bắt kẻ tu đạo phải liệc dù mọi khoa học. Trong học cho biết chỗ chân chính giáo lý

của đạo mình, ngoài phải học tất cả mọi nghề nghiệp trí xảo, mọi điều cách-đặt tri-tri, tề-gia, trị quốc. Ấy tức là khoa học ngũ-minh. Phạm những khoa tân-học đời nay đều không trái gì với những khoa học ngũ-minh ấy và đều có thể dùng để thay vì vào trong cái học ngũ-minh ấy. Như thế thì Chí bảo đạo Phật là thoát bỏ cả cái vấn đề nhân-sinh thực-lẽ được dư ?

2. Vì như số III, chỗ nói về em giảng sách hội Phật cho mấy bà già và mấy cô gái lao động trong xóm em, em có nói chơi rằng em lại hóa thân ra làm vị nữ-bồ tát... nên Chị hỏi đùa lại em mà rằng : Sao không xưng là ni-cô mà lại xưng là nữ bồ tát, vì ni-cô mới là sư thầy mà nữ bồ tát theo trong tiểu thuyết Tàu thì chỉ là « vãi non » mà thôi ?

Thưa Chị, tất chị cũng thừa hiểu ni-cô là một cô gái đã xuất gia, một cô gái đã tự nguyện cắt đứt 3000 cái gốc phiền não của đời mình. Còn em đây em có xuất gia đâu mà xưng là ni-cô được.

Phật có bốn hàng đệ-tử là Tăng, Ni, Thiện, Tín, ấy là Tứ-hàng. Tăng là sư nam, Ni là sư nữ, là hai hàng đệ tử xuất gia. Thiện tức là thiện-nam tiếng Phạm gọi là Ưu-bà-tử, Tín tức là tín-nữ, tiếng Phạm là Ưu-bà-đi, là hai hàng đệ-tử tại gia.

Theo pháp Đại-thăng Phất-giáo lấy ngôi Bồ - tát làm trọng yếu. Pháp Đại-thăng lấy độ người làm công đức, ngôi Bồ-tát chân là ngôi chuyển đi cứu độ cho người gọi là Bồ-tát-đạo. Tại-gia, xuất-gia tuy khác mà Bồ-tát-đạo là một, nghĩa là đều lấy những việc về sáu phương, bốn ách, đại-nguyện và bát-thí làm công - đức. Em vốn tại-gia mà mudn tu Bồ-tát-đạo, nay mới làm thử, một cái việc tuệ-thí còn-con là giảng sách cho vài bà già cô gái trong xóm, nên nói chơi mới tự xưng là Nữ-bồ-tát. Còn như Nữ-bồ-tát trong tiểu-thuyết Tàu và Vãi non trong tục ta thì lại về nghĩa khác, cái n hĩa bị bán của người đời.

Nữ Bồ-tát trong liễu - thuyết Tàu là chỉ về cô gái tại-gia, hay đi chùa, mà người hiền lành đẹp đẽ trang nghiêm như pho tượng Bồ-tát nào. Vãi non trong tục gia là vì tục thường chỉ có đàn bà già mới hay đi chùa lễ bái gọi là vãi. Nếu có gái trẻ chung nào mà lập tăng hay đi chùa thì người ta riều mà gọi là «vãi non».

Đạo Phật là một tôn-giáo mà cũng là một học thuật, cư tại-gia mà nghiên-cứu đạo Phật, thực-hành công đức cũng được, chứ có phải như thế tục đã tưởng đạo Phật chỉ đề độ người Xuất-gia và đề các bà già lễ bái dẫu.

(còn nữa)

Bạn gái của Chị Mai

(Đ. N. T.)

---

### 1) TÁN THÁN ĐỨC THỂ-TÔN

+  
Ta-bà thế-giới chốn hôn môn,  
Phật-Tồ không đánh nữ đứng tròn.  
Thánh-đế nhân-duyen hai lẽ gốc,  
Từ-bi, bác-ái một lòng chung.  
Pháp-luân kéo lại quay mù tít,  
Khổ-hải lới ra thoát khỏi vòng.  
Đánh thức chúng-sinh trong giấc mộng,  
Khua hồi mõ gõ, tiếng chuông đồng.

### + 2) TÁN THÁN A DI-ĐÀ

Tịnh-độ tu riêng một phái người,  
Niệm Di-Đà-Phật tiếng không ngơi.  
Mười lần danh hiệu nghe ai xưng,

Một loạt siêu sinh lối cảnh vui,  
Reo nẩy hoa sen ba cõi đất,  
Phủ trùm bóng liễu bốn phương giờ:  
Phật đời quá khứ ngài làm chủ,  
Cứu vớt trăm-luân đã mấy đời.

3) TÁN THÂN BỒ-TÁT THIỆN-HỮU

Nghe chuyện từ-bi ắt phải thêm,  
Cáo-Thơm Thiện-Hữu mở ra xem.  
Hòn châu như-ý lòng vì nước,  
Ngọn giáo vô tình độ được em.  
Muốn kẻ tru sâu đều sưng cả,  
Gặp người ác nghiệt lại lành thêm.  
Như-Lai tiền kiếp là ông đó,  
Nét mặt hiền hòa, vẻ vẫn nghiêm.

4) TÁN THÂN BỒ-TÁT THỊ-KÍNH

Truyện bà Thị-Kính diễn nên trò,  
Đức Phật Quan-Âm tái thế du ?  
Chồng vị tía râu thân vạ vệt,  
Con đành xin sữa tồ lò vò.  
Thác khi vui dặt trong lòng sạch,  
Oan chẳng kêu giờ một tiếng to.  
Bồ-lát làm gương thiện cổ đó,  
Khuyên đời nhân nhục trọn ửu đàng tu.

Phụng-sơn NGUYỄN-THIỆN-CHÍNH

+

## ƯỚC VỌNG

Tôi muốn sống một bầu trời khác,  
 To lớn hơn mà man mác cũng hơn,  
 Ở nơi đó bay lượn những thần tiên,  
 Nước giận cạn, lửa phiến tắt bặt.  
 Có giấy non tiến màu lơ lơ ngất,  
 Có hồ làn rộng mặt êm du,  
 Có hoa sen nở nghìn mùa,  
 Có cây trấu bách cao vờ bằng khuâng.  
 Bước đến đây láng láng hết lụy,  
 Uống hơi giờ, ăn vị cỏ hoa,  
 Cúi đầu nhìn xuống xa xa.  
 Cõi trần bé nhỏ có mà như không.

+

## THÍCH Ờ CHÙA

Cho ta được một cái chùa,  
 Và một cơn gió nó lưu bên tai.  
 Ngày ngày, ngày một ngày hai,  
 Cái chùa, cơn gió, còn ai mà còn.

LAM QUANG



# Hộp Thơ

Đã nhận được mandat của các vị trả tiền báo san này:

- |  |        |
|--|--------|
| 1) M. Huỳnh-Hội, Bông Sơn, Annam         | 1.00   |
| 2) M. Nguyễn Triệu Tourane               | 1.00   |
| 3) M. Lê-văn Phước ở Bắc-liêu            | 5.00   |
| 4) M. Nguyễn-văn Lợi Tourane . . . .     | 1\$00  |
| 5) M. Nguyễn-ngọc-Châu ở Trà-vinh mandat | 5\$00. |
| 6) M. Trần-Quang Soctrang mandat         | 3\$00. |

Cùng ông Võ-lấn-Đắc ở Phan-thiết. Đã nhận được mandat 21\$00 của ông.

Bản báo đã gửi hầu ông biên lai từng vị, và chiếu theo số báo cứ mỗi năm 52 số, tùy theo các vị mua nửa năm hoặc một năm bắt đầu từ số nào mình nhận, thí dụ như nhận từ số 20 thời tới số 72 hết hạn mua năm. Hễ gần số hết hạn xin các vị gửi thơ cho bản báo biết rằng: mua nữa hay thôi. Nếu không được thơ, bản báo xin cứ gửi tiếp rồi các vị gửi tiền trả cho.

Cùng ông Ngô-văn-Du, Bibliothè que Saigon.

Bản báo lấy làm phàn nàn tiếc rằng một số ít đồ - giá thiếu số 4. Sau này hễ có tái bản sẽ xin gửi hầu các ngài.

Cùng ông Dương-minh-Chân ở Gò công. Xin trân-trọng cảm ơn ông đã vui lòng cõ động cho tờ Đuốc-Tuệ. Tiếc thay không còn từ số 1, xin ông coi tiếp từ số 28 trở đi.

---

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản-lý CUNG-DÌNH-BÌNH